

BIÊN BẢN

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

I. THÔNG TIN CÔNG TY:

- Tên công ty: Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 164 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Mã số doanh nghiệp: 0100100449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 30/9/2015.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất được tổ chức với các nội dung cụ thể sau:

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP:

- Thời gian: 8h00' ngày 30/6 /2021 (Thứ tư)
- Địa điểm: Số 164 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự:

1.1. Đại biểu tham dự Đại hội: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

1.2. Các cổ đông của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất có tên trong danh sách chốt vào lúc 12h00 ngày 09/06/2021.

2. Tính hợp pháp hợp lệ của Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Anh Tú – Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của công ty theo danh sách chốt vào lúc 12h00 ngày 09/6/2021 của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất là: 45 cổ đông, sở hữu 14.300.000 cổ phần, tương ứng 100% tổng số phiếu biểu quyết của công ty.

- Số đại biểu là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự có mặt: 17 cổ đông, đại diện cho 14.269.300 cổ phần, chiếm 99,785% tổng số cổ phần biểu quyết của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

- Căn cứ Điều 145 quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và Điều lệ công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

IV. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Sau khi nghe ban Tổ chức đại hội giới thiệu đoàn Chủ tịch, gồm 3 người:

- Ông Mai Xuân Sơn – Thành viên HĐQT - Chủ tọa đại hội
- Ông Vũ Hải – Thành viên HĐQT, P.TGD - Ủy viên
- Ông Vũ Đình Đông – TGD - Ủy viên

Đại hội đã biểu quyết giao tay với tỷ lệ tán thành là 100% nhất trí thông qua.

2. Sau khi nghe ông Mai Xuân Sơn - thay mặt đoàn chủ tịch, giới thiệu trước Đại hội danh sách Ban thư ký đại hội gồm 2 người:

- Ông Nguyễn Xuân Việt - Trưởng ban
- Bà Lục Bích Ngọc - Ủy viên

Đại hội đã biểu quyết giao tay với tỷ lệ tán thành là 100% nhất trí thông qua.

3. Sau khi nghe ông Nguyễn Anh Tú - thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua chương trình ĐHCĐ thường niên 2021; Quy chế tổ chức Đại hội; Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tán thành.

(Có chương trình Đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội kèm theo)

4. Các nội dung được trình bày tại Đại hội

4.1. Đại hội đã nghe ông Vũ Hải – Thành viên HĐQT, thay mặt HĐQT trình bày Báo cáo số 81/BC-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc đánh giá kết quả hoạt động năm 2020, Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

(Có Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT kèm theo)

4.2. Đại hội đã nghe ông Vũ Đình Đông - Tổng giám đốc công ty, trình bày Báo cáo số 965/BC-ĐCTN của BDH về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành.

(Có Báo cáo sản xuất kinh doanh kèm theo của BDH kèm theo)

4.3. Đại hội đã nghe bà Phạm Thị Minh Huyền - Trưởng Ban kiểm soát, trình bày Báo cáo số 01/BC-BKS của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020 và Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2021.

(Có Báo cáo của BKS kèm theo)

4.4. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Hữu Quyết – Kế toán trưởng trình bày các tờ trình:

- Tờ trình số 82/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;

- Tờ trình số 83/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2020, Kế hoạch năm 2021;

- Tờ trình số 84/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020;

- Tờ trình số 85/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2021;

- Tờ trình số 86/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc thông qua báo cáo thù lao đối với HĐQT, lương của trưởng ban kiểm soát và thù lao kiểm soát viên năm 2020, Kế hoạch năm 2021.

(Có các tờ trình và báo cáo tài chính kèm theo)

4.5. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thành Quang - thành viên HĐQT trình bày tờ trình số 87/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc ban hành và thay thế Điều lệ công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

(Có Tờ trình và Điều lệ kèm theo)

4.6. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thành Quang - thành viên HĐQT trình bày tờ trình số 88/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

(Có Tờ trình và Quy chế nội bộ về Quản trị kèm theo)

4.7. Đại hội đã nghe ông Vũ Hải - thành viên HĐQT trình bày tờ trình số 89/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của HĐQT công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

(Có Tờ trình và Quy chế hoạt động của HĐQT kèm theo)

4.8. Đại hội đã nghe bà Phạm Thị Minh Huyền - Trưởng BKS công ty trình bày tờ trình số 01/TTr-ĐCTN-BKST của BKS về việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

(Có Tờ trình và Quy chế hoạt động của BKS kèm theo)

4.9. Đại hội đã nghe ông Vũ Hải - thành viên HĐQT trình bày tờ trình số 90/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT về việc ủy quyền cho HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông.

(Có Tờ trình kèm theo)

5. Đại hội thảo luận

6. Đại hội tiến hành biểu quyết

Ông Mai Xuân Sơn - thay mặt Đoàn Chủ tịch giới thiệu trước Đại hội danh sách Ban kiểm phiếu gồm 04 bà và 01 ông là người giám sát việc kiểm phiếu:

- Bà Nguyễn Quỳnh Thư - trưởng ban
- Bà Nguyễn Hải Yến - Ủy viên
- Bà Lê Thị Thanh Hoa - Ủy viên
- Bà Nguyễn Kiều Hoa - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thành Quang - thành viên HĐQT là người giám sát việc kiểm phiếu.

Đại hội đã biểu quyết giơ tay với tỷ lệ tán thành là 100% nhất trí thông qua.

* Bà Nguyễn Quỳnh Thư thay mặt Ban kiểm phiếu lên làm việc cụ thể như sau:

- Trưởng ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông ghi phiếu biểu quyết tại đại hội.
- Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết.

- Đại hội đã nghe bà Nguyễn Quỳnh Thư báo cáo số cổ đông tham dự đại hội tính đến thời điểm biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết các nội dung cụ thể như sau:

✓ Báo cáo số cổ đông tham dự đại hội tính đến thời điểm biểu quyết:

+ Tổng số cổ đông có mặt dự đại hội theo báo cáo kiểm tra tư cách của Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm 8h45 phút ngày 30/6/2021 là 17 cổ đông, đại

diện cho 14.269.300 cổ phần bằng 99,785% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

+ Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội đồng cổ đông (tại thời điểm biểu quyết) là: 18 cổ đông.

+ Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội là: 18 phiếu bầu, đại diện cho 14.272.300 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội, đạt tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của công ty.

✓ Công bố kết quả biểu quyết các nội dung cụ thể như sau:

6.1. Nội dung 1: Thông qua Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020, mục tiêu nhiệm vụ trong năm 2021 của Hội đồng quản trị (theo báo cáo số 81/BC-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021).

- Số phiếu tán thành: 18 phiếu, đại diện 14.272.300 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 100%.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

6.2. Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành (theo báo cáo số 965/BC-ĐCTN của Ban điều hành ngày 30/6/2021).

- Số phiếu tán thành: 16 phiếu, đại diện 14.254.700 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,88%.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 02 phiếu, đại diện 17.600 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,12%.

6.3. Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020, Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021 (theo báo cáo số 01/BC-BKS của Ban kiểm soát ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: 18 phiếu, đại diện 14.272.300 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 100%.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

6.4. Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán (Theo tờ trình số 82/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: 17 phiếu, đại diện 14.268.500 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97%.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.5. Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2020, kế hoạch năm 2021 (Theo tờ trình số 83/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021).

- Số phiếu tán thành: **18** phiếu, đại diện **14.272.300** cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 100 %.

- Số phiếu không tán thành: **0** phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu

6.6. Nội dung 6: Thông qua việc Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020 (theo tờ trình số 84/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: **18** phiếu, đại diện **14.272.300** cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 100%.

- Số phiếu không tán thành: **0** phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: **0** phiếu

6.7. Nội dung 7: Thông qua phương án chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2021 (theo tờ trình số 85/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021).

- Số phiếu tán thành: **17** phiếu, đại diện **14.268.500** cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97 %.

- Số phiếu không tán thành: **0** phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: **01** phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.8. Nội dung 8: Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị, lương của Trưởng Ban kiểm soát và thù lao Kiểm soát viên năm 2020, Kế hoạch năm 2021 (theo tờ trình số 86/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: **17** phiếu, đại diện **14.268.500** cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97 %.

- Số phiếu không tán thành: **0** phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: **01** phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.9. Nội dung 9: Thông qua việc ban hành và thay thế Điều lệ công ty (theo tờ trình số 87/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021).

- Số phiếu tán thành: **17** phiếu, đại diện **14.268.500** cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97 %.

- Số phiếu không tán thành: **0** phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: **01** phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.10. Nội dung 10: Thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty (theo tờ trình số 88/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: **17** phiếu, đại diện **14.268.500** cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97 %.

- Số phiếu không tán thành: **0** phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: **01** phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.11. Nội dung 11: Thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty (theo tờ trình số 89/TTr-ĐCTN-HĐQT của HĐQT ngày 30/6/2021).

Y
Đ
I
P

- Số phiếu tán thành: 17 phiếu, đại diện 14.268.500 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97 %.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.12. Nội dung 12: Thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát công ty (theo tờ trình số 01/TTr-ĐCTN-BKS của BKS ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: 17 phiếu, đại diện 14.268.500 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 99,97 %.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, đại diện 3.800 cổ phiếu có quyền đạt tỷ lệ 0,03%

6.13. Nội dung 13: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong thời gian giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông (theo tờ trình số 90/TTr-ĐCTN-HĐQT ngày 30/6/2021)

- Số phiếu tán thành: 18 phiếu, đại diện 14.272.300 cổ phiếu có quyền biểu quyết; đạt tỷ lệ 100 %.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

7. Thông qua Biên bản và Nghị quyết tại Đại hội

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Xuân Việt - Trưởng ban thư ký đọc toàn văn dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội công khai trước toàn thể Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết giơ tay nhất trí 100% thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Biên bản Đại hội gồm 06 trang. Đại hội kết thúc vào hồi 12h00' cùng ngày.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

Thành viên

Vũ Hải

Thành viên

Vũ Đình Đông

Chủ tịch Đoàn



Mai Xuân Sơn

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Thành viên

Lục Bích Ngọc

Trưởng ban

Nguyễn Xuân Việt

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00 – 8h30	- Đón khách, cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự đại hội. Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt, phát tài liệu họp cho các cổ đông.	Ban tổ chức
8h30 – 8h40	* Khai mạc Đại hội - Chào cờ; - Tuyên bố lí do tổ chức Đại hội, giới thiệu thành phần tham dự. - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội. Thông qua Đoàn chủ tịch.	Ban tổ chức
8h40 – 8h50	- Thông qua Ban thư ký - Thông qua chương trình Đại hội. - Thông qua Quy chế tổ chức; thể lệ biểu quyết tại Đại hội.	Đoàn chủ tịch
8h50 – 9h10	1. Báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và mục tiêu nhiệm vụ trong năm 2021. 2. Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021	Đoàn chủ tịch
9h10 – 9h20	Báo cáo giám sát của BKS năm 2020 và kế hoạch 2021	Ban kiểm soát
9h20 – 10h45	Thông qua các tờ trình: 1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. 2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2020, Kế hoạch năm 2021. 3. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020. 4. Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2021. 5. Thù lao Hội đồng quản trị, lương của Trưởng Ban kiểm soát và thù lao Kiểm soát viên năm 2020, Kế hoạch năm 2021. 6. Tờ trình về việc ban hành và thay thế Điều lệ Công ty 7. Tờ trình về việc ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty 8. Tờ trình về việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty 9. Tờ trình về việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Công ty 10. Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ HĐQT.	Đoàn chủ tịch
10h45-11h00	Đại hội tiến hành thảo luận.	Đoàn chủ tịch
11h00 -11h05	Thông qua Ban kiểm phiếu và người giám sát việc kiểm phiếu	Đoàn chủ tịch
11h05-11h15	- Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu - Cổ đông thực hiện bỏ phiếu	Ban kiểm phiếu



<i>Đại hội tiến hành biểu quyết</i>		
Thời gian	Nội dung	Thực hiện
11h15-11h30	- <i>Nghỉ giải lao.</i>	
11h30-11h40	- <i>Công bố kết quả kiểm phiếu</i>	Ban kiểm phiếu
11h40 - 11h55	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	
11h55 – 12h00	- Bế mạc Đại hội.	Đoàn chủ tịch

* Ghi chú: Chương trình Đại hội có thể điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến thực tế của Đại hội.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT



Bùi Trọng Dân



QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 2 ngày 23/7/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021** của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Tổ chức Đại hội, các thành viên liên quan và các cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2021 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
*(Ban hành và có hiệu lực từ ngày 30/6./2021 theo Quyết định số 80/QĐ-ĐCTN-HĐQT
ngày 30/6/2021 của HĐQT Công ty CP Điện Cơ Thống Nhất)*

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất theo danh sách chốt tại thời điểm chốt danh sách là **12h00 ngày 09/6/2021** hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền và thông báo mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu đại hội và **Phiếu biểu quyết màu hồng** bao gồm các nội dung: **Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết** (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền); **Các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng** (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến).



c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa đại hội

1. Đoàn chủ tịch do ĐHCĐ bầu; Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trường hợp Chủ tịch vắng mặt HĐQT bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc đa số.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm 12h00 ngày 9/6/2021; Phát tài liệu đại hội và các phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

1. Ban tổ chức giới thiệu Ban thư ký, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và biểu quyết thông qua tại Đại hội.

004
G T
PHÂN
N C
IG N
MAI-

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:
 - a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
 - b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu gồm 05 người do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;
- b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 12h00 ngày 09/6/2021.

Điều 10. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **Phiếu biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

Cách thức biểu quyết:

a) Biểu quyết bằng cách **Giơ Phiếu biểu quyết (màu hồng)**: Một số vấn đề cổ đông thực hiện **giơ Phiếu biểu quyết** tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết theo nội dung: Tán thành; Không tán thành; hoặc không có ý kiến, cụ thể:

- Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và thông qua Chương trình nghị sự;
- Thông qua Biên bản và Nghị Quyết Đại hội;
- Và các nội dung khác phát sinh theo diễn biến thực tế tại Hội nghị.

b) Biểu quyết bằng cách **ghi (đánh dấu) trên Phiếu biểu quyết**: các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết (**màu hồng**) các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Thán thành, không tán thành, hoặc không có ý kiến) các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo KQKD năm 2020; Kế hoạch kinh doanh năm 2021; Báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Thông qua nội dung các Tờ trình (chi tiết theo Chương trình Nghị sự):

Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thay đổi theo quyết định của Chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến Đại hội.

2. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung sẽ được Trưởng Ban Kiểm phiếu thông báo kết quả tại Đại hội.



Điều 11. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

2. Đối với Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về những nội dung sau sẽ được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Quy chế này gồm có 13 điều do Hội đồng quản trị Công ty CP Điện Cơ Thống Nhất ban hành tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các Cổ đông, Thành viên Ban Kiểm soát, Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Trọng Dân

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021



**NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Để đảm bảo công bằng, chính xác trong việc biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất được tiến hành theo nguyên tắc, thể lệ biểu quyết như sau:

1. Hình thức biểu quyết

- Cổ đông và đại diện được ủy quyền (sau đây gọi chung là cổ đông) thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của công ty Cổ phần Điện Cơ Thống nhất bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết**.

- **Phiếu biểu quyết** (màu hồng) được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành có đóng dấu treo của công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất, được phát cho mỗi cổ đông khi tham dự Đại hội.

- Nội dung trên phiếu biểu quyết: Mã số cổ đông, Họ và tên của cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền, Số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần đại diện được uỷ quyền và các nội dung biểu quyết tại đại hội.

2. Ghi phiếu biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "x" hoặc "√" vào các ô "tán thành" hoặc "không tán thành" hoặc "không có ý kiến" của từng nội dung biểu quyết.

- Trường hợp cổ đông để trống cả 3 ô không đánh dấu được coi là "không có ý kiến".

- Trường hợp ghi sai, Cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu biểu quyết khác.

- Ký xác nhận việc thực hiện biểu quyết.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu của Ban tổ chức, không có dấu treo của Công ty;

- Phiếu biểu quyết gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi thêm nội dung không đúng với nội dung đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

4. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu và người giám sát việc kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông và đại diện được ủy quyền;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành Biên bản. Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm công bố trước Đại hội.
- Kết quả biểu quyết phải được ghi vào Biên bản Đại hội và Nghị quyết của Đại hội.

5. Hiệu lực thi hành

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết có hiệu lực ngay sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Xin trân trọng cảm ơn!

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020,
Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị
công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất (Vinawind)**

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động năm 2020, kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2021 của Hội đồng Quản trị với các nội dung sau:

I. Thành phần Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thành Quang	Thành viên
3	Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên
4	Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên
5	Ông Vũ Hải	Thành viên

Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao như các Chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hàng năm của công ty, giám sát, chỉ đạo các hoạt động điều hành của Công ty, của Tổng giám đốc; phê duyệt các vấn đề theo phân cấp quản lý để Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT

Tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT công ty năm 2020 là 960.000.000đ theo đúng Kế hoạch thù lao đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Tổ chức họp định kỳ triển khai nhiệm vụ

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã họp thông qua các ý kiến chỉ đạo, định hướng các chiến lược, hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty. Mục tiêu là ổn định và phát triển sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT được công bố thông tin đầy đủ theo đúng quy định.

* Năm 2020, HĐQT đã họp và quyết định nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong đó một số nội dung chính như sau:

- Ngày 27/02/2020 ban hành Nghị quyết số 287/NQ-HĐQT Thông qua Kế hoạch kinh doanh và Ngân sách năm 2020 của Công ty.

- Ngày 17/03/2020 ban hành Nghị quyết số 289/NQ-HĐQT Thông qua Quy chế tài chính của công ty.

- Ngày 23/6/2020, ban hành Nghị quyết 07/NQ-HĐQT thông qua việc Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT.

- Ngày 22/7/2020, ban hành Nghị quyết 15/NQ-HĐQT thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020.

- Ngày 4/9/2020, ban hành Nghị quyết 27a/NQ-HĐQT thông qua về dự thảo Sơ đồ cơ cấu tổ chức giai đoạn 2021 – 2025, việc tái cơ cấu Trung tâm dịch vụ khách hàng, Phòng bảo hành, chia tách thành lập, đổi tên một số phòng, phân xưởng trong công ty, phương án hoàn thiện Dự án đầu tư phân xưởng ép nhựa.

- Ngày 4/9/2020, ban hành Nghị quyết 27b/NQ-HĐQT thông qua đề xuất của Ban điều hành về đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị sản xuất với giá trị dự toán 12 tỷ đồng để đảm bảo Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ngày 8/9/2020, ban hành Nghị quyết 29/NQ-HĐQT thông qua đề xuất của Ban điều hành về tuyển dụng Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư.

- Ngày 16/10/2020, ban hành Nghị quyết 31/NQ-HĐQT thông qua Thông qua chủ trương đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (Artexport).

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Ông Vũ Hải – Thành viên HĐQT công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (Artexport).

Trong 6 tháng cuối năm 2020, Công ty đã có giao dịch đầu tư mua cổ phần của Artexport cụ thể như sau:

- 16/10/2020: Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (Artexport) với giá trị 100.455.000.000 đồng.

- 17/12/2020: Thực hiện quyền mua cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ (Artexport) với tổng giá trị đầu tư là 27.750.000.000 đồng.

- 29/12/2020: Tiếp tục mua cổ phần của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ (Artexport) với tổng giá trị đầu tư là 16.742.500.000 đồng.

4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Trong năm, Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động và hỗ trợ ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức điều hành và thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	So với TH 2020 (%)
1.	Số lượng sản phẩm sản xuất	Chiếc	2.882.600	121,1%
2.	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Chiếc	2.892.053	115,5%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	1.200	114,8%
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,2	102,2%
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	90,6	108,4%
6.	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	
7.	Tiền lương bình quân 1 người 1 tháng	Tr. đồng	10,933	101%

2. Phương hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2021:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thành công.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ công ty và trách nhiệm từng thành viên của Hội đồng Quản trị đã được phân công, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát Ban điều hành bảo đảm việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT trong năm và của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Họp Hội đồng Quản trị định kỳ hàng quý, đột xuất khi cần thiết, đề ra chủ trương biện pháp lớn để giải quyết công việc đã đề ra trong năm kế hoạch và những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Chỉ đạo Ban điều hành công ty triển khai: nghiên cứu phát triển các sản phẩm mũi nhọn có tác dụng dẫn dắt các dòng sản phẩm hiện có của Công ty; thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tập trung; lập kế hoạch di dời nhà máy ở 164 Nguyễn Đức Cảnh, lập Dự án đầu tư mở rộng nhà máy tại Khu công nghiệp Đồng Văn – Hà Nam; nghiên cứu đầu tư phát triển dự án bất động sản tại các địa điểm đất đai phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Trong quá trình thực hiện các quy chế quản lý trong công ty, nếu thấy không phù hợp hoặc chế độ chính sách Nhà nước thay đổi, HĐQT Công ty sẽ tiến hành sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp đáp ứng yêu cầu thực tế đòi hỏi để tuân thủ quy định của Nhà nước, nâng cao hiệu quả chung cho công ty, và đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Cổ đông và các bên liên quan.

Trân trọng.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020, phương hướng kế hoạch năm 2021 của Ban điều hành

Phần I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Sau khi Nhà nước thoái vốn và Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có sự thay đổi Hội đồng quản trị, Ban điều hành. Với mục tiêu ổn định sản xuất và phát triển kinh doanh, duy trì thu nhập để ổn định tâm lý cho người lao động, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tập trung vào tái cấu trúc công ty, kiện toàn bộ máy lãnh đạo công ty, xây dựng các quy định nội bộ phục vụ hoạt động sản xuất;

- Đến nay công ty vẫn tiếp tục duy trì ngành nghề sản xuất kinh doanh các loại quạt điện, động cơ điện, đồ điện gia dụng.

- Sản phẩm quạt điện của công ty có sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Tình hình kinh tế khó khăn do dịch bệnh Covid 19 nên nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng giảm.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2020

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So với cùng kỳ 2019 (%)	So với KH năm 2020 (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	1.109	1.046	99,0%	94,3%
2	Số lượng sản phẩm sản xuất	chiếc	2.839.200	2.379.978	86,1%	83,8%
3	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	chiếc	2.725.415	2.504.167	96,9%	91,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	98,7	110,7	126,4%	112,2%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	79,0	83,5	119,7%	105,7%
6	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	55,2	83,2%	-
7	Lao động bình quân có mặt	Người	1.075	1.049	99,8%	97,6%
8	Tiền lương bình quân 1 người/tháng	Tr. đồng	10,545	10,827	104,0%	102,7%

Năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid 2019, thực hiện giãn cách, ngừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh 15 ngày, Công ty vẫn cố gắng thực hiện được các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ

thông qua; song các chỉ tiêu về doanh thu và sản lượng đều không đạt được như kỳ vọng. Tuy nhiên, với nỗ lực thực hiện chính sách tiết kiệm, tối ưu chi phí, cải tiến kỹ thuật tiết giảm được định mức vật tư nhưng không làm thay đổi chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu bán hàng dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận của công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch, cụ thể công ty ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế đạt: 83,5 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch đạt ra 5,7%.

2. Về kết quả trên các lĩnh vực:

2.1. Về tiêu thụ sản phẩm:

a, Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ:

Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ năm 2020 là 1.046 tỷ đồng, hoàn thành ~94,3% kế hoạch được giao.

Trong năm 2020, thị trường tiêu thụ quạt điện nhìn chung đều bị ảnh hưởng và sụt giảm doanh số do ảnh hưởng của dịch bệnh toàn cầu Covid 19. Cao điểm nhất là bị ảnh hưởng bởi việc giãn cách xã hội, đúng thời điểm chính vụ của ngành quạt điện nên việc tiêu thụ hàng hóa ra thị trường bị chậm hơn nhiều so với năm 2019.

Bên cạnh đó, bằng việc nhận định và đánh giá thị trường kịp thời, công ty đã xây dựng được Chính sách bán hàng phù hợp nên doanh thu thực hiện năm 2020 giữ mức gần tương đương với năm 2019, bằng 99% so với năm 2019 và đạt 94,3% so với kế hoạch được giao.

b, Sản lượng:

Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2020 là ~2,50 triệu sản phẩm, đạt ~91,9% so với kế hoạch và tương đương ~96,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Nguyên nhân sụt giảm do thị trường năm 2020 bị ảnh hưởng bởi nhiều tác động bất khả kháng như (dịch bệnh, thời tiết...), đồng thời công ty cũng chủ động tiết giảm để giảm lượng tồn kho, giảm chi phí tài chính.

2.2. Công tác kỹ thuật, chất lượng sản phẩm

- Công ty đang tiếp tục hoàn thiện thiết kế các sản phẩm mới mang tính đột phá về kiểu dáng và tính năng..

- Các sản phẩm quạt điện của công ty được duy trì, bảo đảm quy chuẩn quốc gia về an toàn thiết bị điện và điện tử. Tổ chức chứng nhận Quatest kiểm tra duy trì giấy chứng nhận sản phẩm quạt điện hợp qui theo QCVN4:2009/BKHCN.

- Thực hiện nghiêm túc qui định pháp luật của Nhà nước về Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các sản phẩm của công ty trên nhãn hàng hóa thể hiện đầy đủ các nội dung theo qui định. Sản phẩm quạt điện của Công ty có nhãn hiệu “Vinawind”, “Điện cơ thống nhất”, biểu tượng ba cánh quạt được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đúng với qui định của Luật sở hữu trí tuệ.

2.3. Công tác kế hoạch - Vật tư:

- Đáp ứng đầy đủ vật tư/BTP phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, không xảy ra tình trạng thiếu vật tư/ BTP trong thời gian dài, cung ứng đủ vật tư theo kế hoạch sản xuất đề ra và kết quả cả năm 2020 đạt 2.379.978 sản phẩm.

- Trong chỉ đạo điều hành sản xuất, về cơ bản bảo đảm đồng bộ, đúng tiến độ đề ra đáp ứng được thị trường yêu cầu về tiêu thụ.

- Tối ưu hóa chi phí mua hàng: trong quý 4, khi giá cả vật tư tăng cao và biến động liên tục và rất kho lường, sau khi phân tích và phán đoán xu hướng giá cả, phòng Mua hàng & QLVT đã tham mưu, đề xuất và nhận được chỉ đạo của lãnh đạo quyết định mua hàng đúng thời điểm nên tiết kiệm chi phí đáng kể cho Công ty

- Cung cấp linh kiện phục vụ công tác sửa chữa, thay thế: nhanh chóng và kịp thời tìm kiếm để đáp ứng nhanh nhất linh kiện sửa chữa khi xảy ra hiện tượng hỏng hóc máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

- Luân chuyển nội bộ: đáp ứng đầy đủ và kịp thời việc luân chuyển vật tư/BTP giữa 2 nhà máy theo yêu cầu.

2.4. Công tác sửa chữa, kiến thiết cơ bản, an toàn lao động, vệ sinh môi trường:

- Công tác chế tạo, sửa chữa khuôn gá

+ Chế tạo, nhập kho 115 bộ khuôn gá mới và hàng trăm chi tiết dự phòng.

+ Sửa chữa, bảo dưỡng 370 lượt khuôn gá các loại.

- Công tác lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị

+ Sửa chữa đột xuất máy móc thiết bị về cơ bản phục vụ kịp thời cho sản xuất.

+ Bảo dưỡng 30 lượt máy móc thiết bị.

+ Di chuyển + Lắp đặt thiết bị phục vụ thay đổi mặt bằng cho PX Lắp ráp (Nhà số 1, số 2, số 3), PX Cơ khí, PX Lắp ráp 2.

- Công tác An toàn vệ sinh lao động

+ Lập kế hoạch ATVSLĐ năm 2020 và triển khai thực hiện các ND theo KH đã đề ra

+ Kiểm định toàn bộ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ đúng thời gian quy định. Kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo, đo điện trở nối đất cho 100% thiết bị, đo tiếp địa chống sét nhà xưởng.

+ Trang bị quần áo BHLĐ và các trang bị phòng hộ lao động cá nhân cho người lao động.

+ Lập các báo cáo định kỳ gửi cơ quan chức năng theo quy định.

+ Trong năm xảy ra 02 vụ TNLĐ tại cơ sở 1.

- Công tác bảo vệ môi trường

+ Thuê vận chuyển xử lý 363 tấn rác thải sinh hoạt.

+ Thu gom vận chuyển, thuê xử lý 33 tấn chất thải nguy hại.

+ Thực hiện quan trắc môi trường 04 lần/ năm tại hai cơ sở.

+ Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định về công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.

2.5. Công tác tài chính:

TP-C
RY
IN
CƠ
HẬT
-T.P.H

- Luôn đảm bảo cân đối nguồn vốn cho sản xuất - kinh doanh. Thường xuyên rà soát giá thành làm cơ sở xây dựng giá bán kịp thời theo sự biến động của thị trường.
- Công tác hạch toán, kế toán thực hiện nghiêm túc theo chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty và quy chế quản lý tài chính công ty.

- Nộp ngân sách bảo đảm đúng thời gian theo quy định.

2.6. Công tác tổ chức:

Lao động có mặt trong danh sách đến hết ngày 31/12/2020 là 1.054 người (ban điều hành và Trưởng BKS: 6 người, người lao động: 1.048 người). Thực hiện theo quy định của Luật lao động, Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Trong năm đã giải quyết nghỉ hưu theo chế độ 16 người; Giải quyết thôi việc 106 người; Tuyển mới 51 lao động và điều động 38 lao động chuyển đổi nghề phù hợp với tình hình thực tế sản xuất.

Quyết toán quỹ lương 2020 và xây dựng quỹ lương 2021 của Ban điều hành và trưởng ban kiểm soát, Người lao động.

2.7. Công tác bảo vệ, tự vệ:

Thực hiện tốt chế độ tuần tra canh gác 24/24 đảm bảo an toàn cho người và tài sản, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong công ty. Công tác giám sát xuất nhập vật tư linh kiện, hàng hóa thực hiện tốt. Công tác phòng chống cháy nổ, công tác phòng chống lụt bão được duy trì kiểm tra thường xuyên, chủ động phòng ngừa; Điều tiết các phương tiện giao thông ra/vào công ty xuất nhập hàng hóa, sắp xếp, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát và quản lý được thực hiện tốt.

2.8. Công tác đời sống, xã hội:

- Công ty lo đủ việc làm thường xuyên và ổn định cho 100% người lao động có tên trong danh sách, với tiền lương bình quân: 10,827 triệu đ/người/tháng, đạt 102,7% so với kế hoạch và đạt 104% so với cùng kỳ năm 2019. Công ty đã thực hiện tốt chính sách đối với người lao động; 100% người lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN với tổng số tiền: 20,937 tỷ đồng; Bảo hiểm rủi ro 24/24h với số tiền 138,933 triệu đồng; Trích nộp phí Công đoàn (2%) theo đúng quy định của Nhà nước.

- Làm thủ tục và được BHXH chi trả các chế độ đối với người lao động cụ thể: 58 lượt người lao động hưởng chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản với số tiền: 133,8 triệu đồng; 1.112 lượt người nghỉ ốm đau, con ốm với tổng số tiền 744,460 triệu đồng; 62 lao động nữ nghỉ thai sản và 71 lao động nam nghỉ hưởng chế độ khi vợ sinh con, với tổng số tiền 1,212 tỷ đồng. Tổ chức khám sức khỏe định cho CBCNV theo đúng quy định.

Phần II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Sản phẩm của công ty bảo đảm chất lượng tốt, có uy tín trên thị trường.

- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể người lao động đoàn kết, thống nhất trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ.
- Hệ thống quản lý công ty được xây dựng chặt chẽ, thực hiện nghiêm túc.
- Đòi hỏi việc làm của người lao động ổn định, thu nhập khá, người lao động yên tâm sản xuất công tác.

2. Khó khăn:

- Do ảnh hưởng kinh tế thế giới và các hiệp định Quốc tế ký kết với Việt Nam có hiệu lực trong thời gian tới nên việc cạnh tranh với các hãng sản xuất - kinh doanh trong và ngoài nước ngày càng khốc liệt hơn.
- Các thương hiệu đối thủ đang trên đà phát triển mạnh mẽ tại thị trường miền Bắc bằng hình thức xây dựng những chương trình chiết khấu mang tính cạnh tranh rất lớn với Vinawind.
- Đại dịch Covid-19 đang diễn biến vô cùng phức tạp ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế của thế giới dẫn đến việc sản xuất kinh doanh năm 2021 sẽ gặp khó khăn hơn so với các năm trước.
- Giá cả vật tư linh kiện biến động bất thường, không lường trước được, làm chi phí sản xuất tăng, ảnh hưởng đến giá thành và hiệu quả kinh tế của công ty.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT-KINH DOANH NĂM 2021 VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN

1. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2021	So với TH 2020 (%)
1.	Số lượng sản phẩm sản xuất	Chiếc	2.882.600	121,1%
2.	Số lượng sản phẩm tiêu thụ	Chiếc	2.892.053	115,5%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	1.200	114,8%
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	113,2	102,2%
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	90,6	108,4%
6.	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	
7.	Tiền lương bình quân 1 người 1 tháng	Tr. đồng	10,933	101%

2. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện

2.1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng

- Thường xuyên có biện pháp giáo dục người lao động, làm cho người lao động hiểu rõ tình hình khó khăn trong sản xuất - kinh doanh năm 2021, từ đó người lao động tích cực hơn trong hoạt động sản xuất, công tác, tự giác tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tuyên truyền giáo dục pháp luật và phổ biến cho người lao động hiểu rõ Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Quy định của công ty để làm

cho người lao động có ý thức trách nhiệm sống, làm việc theo pháp luật, ý thức chấp hành nội quy và các quy định của công ty.

- Tuyên truyền và vận động người lao động thực hiện tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

2.2. *Đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm*

- Xây dựng ban hành quy chế trả lương cho đội ngũ làm công tác tiêu thụ sản phẩm gắn với doanh số bán hàng. Khuyến khích nhân viên có doanh số bán hàng cao, phát huy tính chủ động, sáng tạo để đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm.

- Phản ứng linh hoạt và nhạy bén hơn với những biến động của tình hình thị trường. Triển khai bám sát hệ thống bán lẻ hơn nữa để luôn nắm bắt được thông tin thị trường một cách chính xác và kịp thời nhất.

- Tăng cường hoạt động Marketing, quảng cáo bán hàng nhằm xâm nhập thị trường mới, đưa thương hiệu Vinawind lớn mạnh không chỉ ngoài Miền Bắc mà cả Miền Trung và Miền Nam.

- Quy hoạch lại khu vực phân phối sản phẩm.

2.3. *Công tác kế hoạch - vật tư*

- Xây dựng giao kế hoạch sản xuất - kinh doanh cho các đơn vị hàng tháng, sản xuất phục vụ kịp thời cho nhu cầu thị trường, triển khai tổ chức sản xuất khoa học, hợp lý, đáp ứng yêu cầu khách hàng, bảo đảm quay vòng vốn nhanh.

- Triển khai các biện pháp quản lý chặt chẽ trong quá trình sản xuất; từ khâu vật tư, linh kiện đầu vào, trên dây chuyền sản xuất, trong kho thành phẩm, giảm đến mức thấp nhất tình trạng sai hỏng, rơi vãi, mất mát.

- Nắm chắc tình hình sản xuất, số liệu ghi chép hàng ngày, điều tiết đảm bảo đúng tiến độ, giữa các phân xưởng và trong toàn công ty.

- Tổ chức việc mua vật tư, linh kiện bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lý, đúng thời gian đáp ứng yêu cầu sản xuất.

2.4. *Công tác kỹ thuật chất lượng sản phẩm:*

- Xây dựng và triển khai chương trình kỹ thuật năm 2021 nhằm tăng năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm.

- Thực hiện nghiêm luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, đảm bảo qui chuẩn quốc gia về an toàn điện và hiệu suất năng lượng.

- Cải tiến sản phẩm hiện có, đa dạng hóa mẫu mã. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm cao cấp, có tính trang trí theo xu hướng nội thất cao cấp.

- Tăng cường giám sát việc tuân thủ thực hiện qui trình công nghệ, bước thao tác công việc cũng như việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu tại các đơn vị.

- Thường xuyên thực hiện chương trình cải tiến một số trang bị công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng gia công ép nhựa, đột dập chủ động sản xuất tại công ty, không phụ thuộc bán thành phẩm mua ngoài để chủ động trong sản xuất và nâng cao chất lượng.

2.5. *Công tác đầu tư*

Bổ sung một số thiết bị thay thế thiết bị cũ lạc hậu hoặc thiết bị đã hết công suất, không đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

2.6. *Công tác sửa chữa, kiến thiết cơ bản, an toàn lao động, vệ sinh môi trường*

- Sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ kịp thời cho sản xuất.
- Lập kế hoạch An toàn – Vệ sinh lao động năm 2021.
- Kiểm định kỹ thuật an toàn toàn bộ thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ; Kiểm định hiệu chuẩn phương tiện đo; Đo điện trở nối đất cho 100% thiết bị; Đo tiếp địa chống sét nhà xưởng.
- Trang bị quần áo BHLĐ và phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân
- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2.7. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương, đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động

- Sắp xếp tổ chức lại sản xuất, bố trí lao động theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả quản lý.
- Bổ sung lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất.
- Xây dựng quỹ lương phù hợp với chế độ chính sách của Nhà nước và điều kiện sản xuất, hiệu quả công ty.
- Thực hiện tốt công tác cán bộ, đào tạo, giải quyết chế độ người lao động.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ trích nộp và giải quyết chế độ BHXH, BHYT, BHTN, phí công đoàn, bảo hiểm rủi ro 24/24, chế độ bồi dưỡng ca 3, độc hại, tiền ăn giữa ca cho công nhân viên.
- Tổ chức khám bệnh định kỳ theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức phong trào, văn hóa, thể thao, nghỉ dưỡng sức, tham quan, nghỉ mát cho người lao động.

2.8. Công tác tài chính

- Đảm bảo cân đối nguồn vốn cho sản xuất - kinh doanh.
- Nghiên cứu chế độ chính sách Nhà nước, vận dụng thực hiện đúng chế độ, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao nhất.
- Xác định giá thành, xây dựng giá bán, đáp ứng yêu cầu thị trường, bảo đảm hiệu quả kinh tế.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo quy định của Chính phủ, Điều lệ công ty và Quy chế quản lý Tài chính công ty đã ban hành.

2.9. Công tác niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán

- Tiếp tục thực hiện việc Đăng ký lưu ký chứng khoán và Đăng ký giao dịch chứng khoán theo đúng quy định.

2.10. Công tác bảo vệ, tự vệ

- Phối hợp với chính quyền địa phương, Công an phường Tương Mai; Ban quản lý KCN Đồng văn 2, đồn Công an KCN Đồng văn. Đảm bảo an ninh địa bàn và an ninh trật tự, an toàn Công ty.
- Triển khai và thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát người lao động, khách ra/vào công ty.
- Điều tiết phương tiện giao thông ra/vào công ty xuất nhập hàng hóa, sắp xếp, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát và quản lý đảm bảo an toàn về tài sản cho công ty.

- Triển khai và thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là toàn bộ kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2021 và các giải pháp chủ yếu để thực hiện. Kế hoạch và giải pháp này sẽ được triển khai, cụ thể hóa trong từng tháng để bảo đảm yêu cầu đề ra.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và sự cố gắng của toàn thể người lao động trong công ty, tôi tin chắc rằng công ty sẽ hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra.

**T.M BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Đình Đông



Số: 01/2021/BC-BKS

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
V/V: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Điện cơ Thống Nhất;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất về Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020, và Phương hướng hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2021 như sau:

Phần I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

Ban Kiểm soát trong năm 2020 gồm 03 thành viên, được phân công phụ trách công việc phù hợp với kinh nghiệm và chuyên môn của mình, thực hiện hoàn thành trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông giao. Các thành viên Ban Kiểm soát gồm:

1. Bà Phạm Thị Minh Huyền Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng Thành viên Ban Kiểm soát
3. Bà Nguyễn Thị Thu Hương Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên các hoạt động Ban Kiểm soát năm 2020:

I. Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong quản lý và điều hành

Trong năm 2020, thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong công tác quản lý điều hành, theo đó, Ban Kiểm soát đã:

- Cử thành viên Ban Kiểm soát tham gia 100% các cuộc họp Hội đồng quản trị, ý kiến đến Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;
- Tham gia và đóng góp ý kiến các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty;

- Theo dõi việc ban hành, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;
- Tham gia ý kiến về các kế hoạch kinh doanh quý/ năm, phương án kinh doanh, mua sắm máy móc thiết bị của Công ty;
- Tổ chức giám sát quá trình lựa chọn và đề xuất đến Hội đồng quản trị đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
- Giám sát việc công bố thông tin đối với Công ty đại chúng và tính xác thực của các thông tin công bố;

Theo đó, thực hiện Điều 37, Điều lệ Công ty Cổ phần Điện cơ Thống nhất, Ban Kiểm soát thực hiện đánh giá về hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành trong năm 2020 như sau:

- HĐQT, Ban Điều hành của Công ty đã tổ chức, thực hiện quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Điện cơ Thống Nhất và các quy định có liên quan của pháp luật.
- HĐQT và Ban Điều hành đã tổ chức, thực hiện các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong Đại hội cổ đông năm 2020;
- Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- HĐQT, Ban Điều hành có sự phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên và các cấp điều hành, có tổng kết đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thông qua các phiên họp của HĐQT, nhằm đảm bảo hoàn thành Kế hoạch kinh doanh cũng như thực hiện các Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tổ chức định kỳ các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng quý để đánh giá kết quả hoạt động của Công ty qua từng kỳ.
- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;

Ban Kiểm soát giữ mối liên hệ thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, tham gia phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã hỗ trợ và hợp tác với Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

II. Giám sát Ban Điều hành trong việc xây dựng các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với hoạt động công ty

Ban Kiểm soát đã giám sát và phối hợp với các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và đơn vị soạn thảo trong việc xây dựng, sửa đổi và bổ sung quy chế, quy định, quy trình phù hợp với mô hình công ty cổ phần, quy mô, đặc thù hoạt động của công ty nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

Các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật và đặc thù hoạt động của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất;

III. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát tham gia thẩm định số liệu báo cáo tài chính hàng quý trước khi công bố thông tin, thẩm tra số liệu giao dịch phát sinh hàng tháng, trao đổi kết quả

kiểm toán với đơn vị kiểm toán,...Theo đó, kết quả thẩm định của Ban Kiểm soát về Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2020 được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cổ phần Điện cơ Thống nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020;

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và phát hành ngày 31/3/2021;

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định nội bộ khác của công ty, Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong năm 2021 như sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, các quy định, quy chế của công ty trong công tác quản trị, điều hành theo quy định Điều lệ Công ty;
2. Theo dõi việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành đảm bảo tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Điều lệ của Công ty;
3. Giám sát Ban Điều hành trong việc xây dựng các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với hoạt động công ty
4. Giám sát việc công bố thông tin đối với Công ty đại chúng và tính xác thực của các thông tin công bố;
5. Thẩm định Báo cáo tài chính theo quy định;
6. Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020, Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021. Ban Kiểm soát xin kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống nhất.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm soát

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Lưu Ban Kiểm soát



Phạm Thị Minh Huyền

Số: 82/TTr-ĐCTN-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi điều lệ lần thứ 2 ngày 23/7/2018 của công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do công ty TNHH hãng kiểm toán AASC lập ngày 30/03/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 19/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện cơ Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Giá trị
I	Kết quả hoạt động kinh doanh	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.045.814
2	Giá vốn hàng bán	847.985
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.829
4	Doanh thu hoạt động tài chính	16.447
5	Chi phí hoạt động tài chính	42.704
6	Chi phí bán hàng	22.325
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.490
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	105.757
9	Lợi nhuận khác	4.950
10	Lợi nhuận trước thuế	110.708
11	Lợi nhuận sau thuế	83.502
II	Tổng tài sản	782.459
1	Tài sản ngắn hạn	720.653
2	Tài sản dài hạn	61.806
II	Nguồn vốn	782.459
1	Nợ phải trả	471.337
2	Vốn chủ sở hữu	311.122

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua toàn văn BCTC đã được kiểm toán năm 2020./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN CƠ
THỐNG NHẤT
Q. HOÀNG MAI - T. PHA NỘI
Bùi Trọng Dân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công tư hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2020
Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2020
Ông Vũ Hải	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đình Đông

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Thông Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Thông Nhất được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		720.652.998.834	650.132.993.924
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.865.225.560	26.518.353.029
111	1. Tiền		23.865.225.560	26.518.353.029
112	2. Các khoản tương đương tiền		28.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	186.213.500.000	70.008.900.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		209.873.400.000	70.008.900.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(23.659.900.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		136.829.304.019	140.388.096.756
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.032.352.387	106.972.302
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	130.878.845.890	139.283.173.594
139	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		918.105.742	997.950.860
140	IV. Hàng tồn kho	7	338.256.780.643	402.463.398.721
141	1. Hàng tồn kho		338.256.780.643	402.463.398.721
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.488.188.612	10.754.245.418
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	48.856.211	69.086.449
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.439.332.401	10.685.158.969
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.806.420.103	72.721.612.214
220	II. Tài sản cố định		26.476.138.762	38.364.769.219
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	26.476.138.762	38.364.769.219
222	- Nguyên giá		206.732.268.558	205.583.177.648
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(180.256.129.796)	(167.218.408.429)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		35.330.281.341	34.356.842.995
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	35.330.281.341	34.356.842.995
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		782.459.418.937	722.854.606.138

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		471.337.385.045	469.842.830.851
310	I. Nợ ngắn hạn		471.337.385.045	469.842.830.851
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	74.055.126.897	74.187.290.246
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	16.998.173.472	32.111.792.729
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	18.270.945.852	5.829.949.467
314	4. Phải trả người lao động		24.240.721.470	12.633.503.823
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	684.255.012	450.784.979
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	42.421.824.405	8.393.107.363
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	222.381.512.124	273.983.392.658
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	60.705.722.490	57.471.800.067
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.579.103.323	4.781.209.519
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		311.122.033.892	253.011.775.287
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	311.122.033.892	253.011.775.287
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		143.000.000.000	143.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		143.000.000.000	143.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		335.210.030	335.210.030
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		167.786.823.862	109.676.565.257
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		84.284.539.453	39.912.750.526
421b	LNST chưa phân phối năm nay		83.502.284.409	69.763.814.731
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		782.459.418.937	722.854.606.138



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.045.813.725.607	1.056.693.359.121
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.045.813.725.607	1.056.693.359.121
11	4. Giá vốn hàng bán	20	847.984.917.323	899.313.988.600
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		197.828.808.284	157.379.370.521
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16.446.730.811	8.074.997.809
22	7. Chi phí tài chính	22	42.703.753.094	12.394.351.352
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.138.666.212	12.146.081.426
25	8. Chi phí bán hàng	23	22.324.591.080	31.165.329.363
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	43.489.712.470	34.862.197.674
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		105.757.482.451	87.032.489.941
31	11. Thu nhập khác	25	7.986.460.319	995.327.243
32	12. Chi phí khác	26	3.036.437.885	472.351.836
40	13. Lợi nhuận khác		4.950.022.434	522.975.407
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		110.707.504.885	87.555.465.348
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	27.205.220.476	17.791.650.617
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>83.502.284.409</u>	<u>69.763.814.731</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.839	4.879



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		110.707.504.885	87.555.465.348
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.914.395.311	15.770.792.397
03	- Các khoản dự phòng		26.893.822.423	(1.106.688.262)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.283.516	389.633
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.223.118.608)	(8.028.715.401)
06	- Chi phí lãi vay		13.138.666.212	12.146.081.426
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		148.432.553.739	106.337.325.141
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.821.937.113	(125.417.492.132)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		64.206.618.078	(13.250.587.429)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		27.296.243.835	46.370.810.258
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.829.882.052)	78.696.844
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(139.864.500.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13.220.381.179)	(12.044.202.512)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.555.490.843)	(28.327.501.377)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.434.132.000)	(7.865.061.016)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		74.852.966.691	(34.118.012.223)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.149.090.910)	(1.046.033.313)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(266.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	266.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.205.800.800	8.028.715.401
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		15.056.709.890	6.982.682.088
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		641.842.653.796	790.211.053.466
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(693.444.534.330)	(698.105.072.740)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.959.640.000)	(42.892.210.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(64.561.520.534)	49.213.770.726
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		25.348.156.047	22.078.440.591

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		26.518.353.029	4.440.302.071
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.283.516)	(389.633)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>51.865.225.560</u>	<u>26.518.353.029</u>



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công ty hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 143.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 143.000.000.000 đồng; tương đương 14.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1049 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1051 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và tiêu thụ quạt điện các loại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hà Nam	Hà Nam	Sản xuất quạt điện các loại

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư hoặc đánh giá tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến từng khoản đầu tư tài chính.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả và các chi phí hoạt động của Công ty... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các loại quạt điện và tất cả các hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	518.465.168	396.534.108
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.346.760.392	26.121.818.921
Các khoản tương đương tiền	28.000.000.000	-
	<u><u>51.865.225.560</u></u>	<u><u>26.518.353.029</u></u>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng có giá trị 28.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất 3,2 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)	56.813.900.000	(23.659.900.000)	70.008.900.000	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	8.112.000.000	-	-	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	144.947.500.000	-	-	-
	209.873.400.000	(23.659.900.000)	70.008.900.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Trong năm 2020, Công ty thực hiện chuyển nhượng 350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà cho đối tác, đồng thời trích lập dự phòng đối với số lượng cổ phần đang nắm giữ còn lại căn cứ giá chuyển nhượng của 350.000 cổ phần đã bán trong năm.

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)	Hà Nội	1.507.000	7,01%	Kinh doanh bia và nước giải khát
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	Hà Nội	202.800	10,00%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	Hà Nội	2.405.000	2,53%	Thương mại, xuất nhập khẩu

Theo định hướng nắm giữ các khoản đầu tư, Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng các khoản đầu tư này khi thị trường phù hợp mà không có ý định nắm giữ lâu dài. Do đó, Công ty trình bày các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này ở mục chứng khoán kinh doanh.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Phát triển TM và DV Quốc Hưng	5.000.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	32.352.387	-	106.972.302	-
	5.032.352.387	-	106.972.302	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.317.808	-	-	-
Tạm ứng	190.000.000	-	182.000.000	-
Phải thu về ủy thác đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	130.000.000.000	-	137.902.853.076	-
Thuế TNCN của người lao động	671.528.082	-	1.198.320.518	-
	130.878.845.890	-	139.283.173.594	-

(*) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng kinh doanh với đối tác có giá trị 130.000.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	77.119.481.044	-	87.913.454.002	-
Công cụ, dụng cụ	1.350.380.272	-	768.107.449	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.068.297.153	-	89.954.692.993	-
Thành phẩm	195.718.622.174	-	223.827.144.277	-
	338.256.780.643	-	402.463.398.721	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	97.656.003.675	101.833.648.218	5.139.360.809	954.164.946	205.583.177.648
- Mua trong năm	-	970.909.092	-	178.181.818	1.149.090.910
Số dư cuối năm	97.656.003.675	102.804.557.310	5.139.360.809	1.132.346.764	206.732.268.558
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	73.821.199.648	88.616.246.835	4.191.020.034	589.941.912	167.218.408.429
- Khấu hao trong năm	8.411.655.474	4.148.185.576	364.429.617	113.450.700	13.037.721.367
Số dư cuối năm	82.232.855.122	92.764.432.411	4.555.449.651	703.392.612	180.256.129.796
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	23.834.804.027	13.217.401.383	948.340.775	364.223.034	38.364.769.219
Tại ngày cuối năm	15.423.148.553	10.040.124.899	583.911.158	428.954.152	26.476.138.762

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.485.695.978 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 121.612.503.930 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	48.856.211	69.086.449
	48.856.211	69.086.449
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn (*)	32.436.935.939	33.313.609.883
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.719.390.840	687.593.532
Chi phí trả trước dài hạn khác	173.954.562	355.639.580
	35.330.281.341	34.356.842.995

(*) Thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn được trình bày tại thuyết minh số 18 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động".

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Ánh Dương	16.761.250.176	16.761.250.176	7.550.162.620	7.550.162.620
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại & Xuất nhập khẩu Lựa Tuyệt	7.741.220.130	7.741.220.130	11.497.768.557	11.497.768.557
PING XIANG SHI DA ZHI TRADING CO-LTD	7.213.283.780	7.213.283.780	9.354.027.232	9.354.027.232
Phải trả các đối tượng khác	42.339.372.811	42.339.372.811	45.785.331.837	45.785.331.837
	74.055.126.897	74.055.126.897	74.187.290.246	74.187.290.246

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo đối tượng		
Trung tâm kinh doanh Thanh Trì - Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi	275.849	15.000.000.000
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Đạt Vinh	459.465.596	-
Các đối tượng khác	16.998.173.472	17.111.792.729
	16.998.173.472	32.111.792.729
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	275.849	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nợ đầu năm		Số phải nợ trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	Số phải nợ cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	43.573.443.375	43.573.443.375	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	487.212.274	487.212.274	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.785.269.444	-	27.969.060.702	15.555.490.843	-	-	18.198.839.303	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	44.680.023	-	1.022.197.750	994.771.224	-	-	72.106.549	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	3.828.369.604	3.828.369.604	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-
	-	5.829.949.467	-	76.884.283.705	64.443.287.320	-	-	18.270.945.852	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	211.467.012	293.181.979
- Trích trước chi phí khám sức khỏe CBCNV	325.780.000	-
- Chi phí phải trả khác	147.008.000	157.603.000
	684.255.012	450.784.979

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.383.318.437	7.912.310.271
- Kinh phí công đoàn	324.813.000	310.492.000
- Bảo hiểm xã hội	42.812.999	15.814.232
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.219.550.000	19.190.000
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	27.750.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	701.329.969	135.300.860
	42.421.824.405	8.393.107.363

(*) Khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác có giá trị 27.750.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Trong năm 2020, Công ty đã sử dụng nguồn tiền nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này để đầu tư cổ phiếu Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	99.281.133.121	99.281.133.121	101.806.328.993	121.025.424.450	80.062.037.664	80.062.037.664
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	-	-	195.335.742.299	187.265.108.135	8.070.634.164	8.070.634.164
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nội (3)	59.966.661.266	59.966.661.266	108.098.979.173	119.368.101.366	48.697.539.073	48.697.539.073
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (4)	114.735.598.271	114.735.598.271	236.601.603.331	265.785.900.379	85.551.301.223	85.551.301.223
	<u>273.983.392.658</u>	<u>273.983.392.658</u>	<u>641.842.653.796</u>	<u>693.444.534.330</u>	<u>222.381.512.124</u>	<u>222.381.512.124</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT106-THONGNHAT này 09/01/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 30/06/2021;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 80.062.037.664 đồng;
 - + Tài sản đảm bảo: Các biện pháp đảm bảo hoặc hợp đồng đảm bảo được quy định cụ thể tại Hợp đồng Cấp tín dụng.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT106-THONGNHAT này 09/01/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 09/01/2021;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 8.070.634.164 đồng;
 - + Tài sản đảm bảo: Các biện pháp đảm bảo hoặc hợp đồng đảm bảo được quy định cụ thể tại Hợp đồng các hợp đồng thế chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 41458.20.051.298821.TD ngày 20/08/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 6 tháng đối với từng khoản vay theo giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 48.697.539.073 đồng;
 - + Tài sản đảm bảo: khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐCTD/VCBHN-ĐCTN ngày 26/11/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 148.300.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 6 tháng đối với từng khoản vay theo giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 85.551.301.223 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các biện pháp đảm bảo hoặc hợp đồng đảm bảo được quy định cụ thể tại từng Hợp đồng Cấp tín dụng.

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa (1)	23.923.736.005	23.731.403.780
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp (2)	13.656.801.485	18.132.217.370
- Dự phòng quỹ tiền lương	23.125.185.000	15.608.178.917
	60.705.722.490	57.471.800.067

(1) Căn cứ theo điều khoản về bảo hành sản phẩm 12 tháng tại hợp đồng bán hàng và tài liệu đánh giá nội bộ của Công ty. Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

(2) Số dư dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp là số liệu tính toán tiền trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động tại Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Luật lao động căn cứ theo chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	143.000.000.000	335.210.030	92.595.461.705	235.930.671.735
Lãi trong năm trước	-	-	69.763.814.731	69.763.814.731
Phân phối lợi nhuận	-	-	(52.705.539.179)	(52.705.539.179)
Tặng khác	-	-	22.828.000	22.828.000
Số dư cuối năm trước	143.000.000.000	335.210.030	109.676.565.257	253.011.775.287
Số dư đầu năm nay	143.000.000.000	335.210.030	109.676.565.257	253.011.775.287
Lãi trong năm nay	-	-	83.502.284.409	83.502.284.409
Phân phối lợi nhuận	-	-	(25.392.025.804)	(25.392.025.804)
Số dư cuối năm nay	143.000.000.000	335.210.030	167.786.823.862	311.122.033.892

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/NQ - ĐCTN - ĐHĐCĐ ngày 15/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	69.763.814.731
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,80%	8.232.025.804
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ) (*)	24,60%	17.160.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	63,60%	44.371.788.927

(*) Theo thông báo về việc chi trả cổ tức năm 2019 của Hội đồng quản trị số 13/TB-ĐCTN ngày 01 tháng 08 năm 2020 cụ thể như sau:

- Ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức: 15/07/2020.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12% vốn điều lệ.
- Ngày chi trả cổ tức: từ ngày 15/08/2020.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm Hàng không (*)	24,24%	34.662.000.000	24,24%	34.662.000.000
Công ty Bảo hiểm Sài Gòn- Hà Nội	0,00%	-	20,98%	30.000.000.000
Các cổ đông khác	75,76%	108.338.000.000	54,78%	78.338.000.000
	100%	143.000.000.000	100%	143.000.000.000

(*) Đến 01/02/2021, Tổng Công ty Bảo hiểm Hàng không đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty và không còn là cổ đông lớn của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	143.000.000.000	143.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	<u>143.000.000.000</u>	<u>143.000.000.000</u>
- Vốn góp cuối năm	<u>143.000.000.000</u>	<u>143.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	19.190.000	11.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	17.160.000.000	42.900.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.959.640.000)	(42.892.210.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<u>(12.959.640.000)</u>	<u>(42.892.210.000)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>4.219.550.000</u>	<u>19.190.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.300.000	14.300.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.300.000	14.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.300.000	14.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.300.000	14.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.300.000	14.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 28/2010/HDKT-HN ngày 13 tháng 09 năm 2010 với Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam diện tích 49.971 m² tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với mục đích sử dụng đất khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2056 với phương thức thuê đất trả tiền một lần.

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa chỉ 164 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội với diện tích khu đất thuê là 29,528 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	12.840,44	21.563,24

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.045.813.725.607	1.056.693.359.121
	<u>1.045.813.725.607</u>	<u>1.056.693.359.121</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<u>10.753.310.999</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	847.984.917.323	899.313.988.600
	847.984.917.323	899.313.988.600

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.677.112.968	5.752.495.401
Lãi thu được từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.546.005.640	1.533.420.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	742.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	223.612.203	46.223.363
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	59.045
	16.446.730.811	8.074.997.809

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

	5.754.310.277	1.393.917.822
--	---------------	---------------

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.138.666.212	12.146.081.426
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	5.495.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	408.903.366	247.821.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.283.516	448.678
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	23.659.900.000	-
	42.703.753.094	12.394.351.352

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.260.154	243.825.404
Chi phí nhân công	10.057.088.313	7.726.027.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.606.992	841.340.668
Chi phí khác bằng tiền	11.987.303.396	19.000.955.268
Chi phí bảo hành	192.332.225	3.353.180.335
	22.324.591.080	31.165.329.363

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.026.043.133	1.243.615.439
Chi phí nhân công	31.697.254.504	25.678.182.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.854.543.638	2.658.025.238
Thuế, phí, lệ phí	641.247.086	218.236.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	825.499.404	2.012.007.000
Chi phí khác bằng tiền	7.445.124.705	3.052.130.607
	43.489.712.470	34.862.197.674

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	86.982.000	100.453.618
Xử lý chênh lệch thừa kiểm kê	7.836.096.050	863.073.625
Thu nhập khác	63.382.269	31.800.000
	7.986.460.319	995.327.243

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.047.644.181	472.351.836
Xử lý chênh lệch thiếu kiểm kê	988.793.704	-
	3.036.437.885	472.351.836

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.707.504.885	87.555.465.348
Các khoản điều chỉnh tăng	29.588.854.782	2.145.587.739
- Chi phí không hợp lệ	29.588.854.782	2.145.587.739
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.270.257.285)	(742.800.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(742.800.000)
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã loại khỏi chi phí tính thuế năm trước	(4.270.257.285)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	136.026.102.382	88.958.253.087
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	27.205.220.476	17.791.650.617
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	763.840.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.785.269.444	16.321.120.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(15.555.490.843)	(28.327.501.377)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	18.198.839.303	5.785.269.444

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	83.502.284.409	69.763.814.731
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	83.502.284.409	69.763.814.731
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.300.000	14.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.839	4.879

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	606.566.744.474	687.696.897.796
Chi phí nhân công	172.515.250.125	167.344.696.725
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.037.721.367	14.858.883.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.254.191.957	22.811.170.355
Chi phí khác bằng tiền	43.031.217.671	28.032.355.455
	<u>851.405.125.594</u>	<u>920.744.003.875</u>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.865.225.560	-	26.518.353.029	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.878.845.890	-	139.283.173.594	-
	<u>182.744.071.450</u>	<u>-</u>	<u>165.801.526.623</u>	<u>-</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	222.381.512.124	273.983.392.658
Phải trả người bán, phải trả khác	116.476.951.302	82.580.397.609
Chi phí phải trả	684.255.012	450.784.979
	<u>339.542.718.438</u>	<u>357.014.575.246</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.865.225.560	-	-	51.865.225.560
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.878.845.890	-	-	130.878.845.890
	182.744.071.450	-	-	182.744.071.450
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.518.353.029	-	-	26.518.353.029
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.283.173.594	-	-	139.283.173.594
	165.801.526.623	-	-	165.801.526.623

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	222.381.512.124	-	-	222.381.512.124
Phải trả người bán, phải trả khác	116.476.951.302	-	-	116.476.951.302
Chi phí phải trả	684.255.012	-	-	684.255.012
	339.542.718.438	-	-	339.542.718.438
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	273.983.392.658	-	-	273.983.392.658
Phải trả người bán, phải trả khác	82.580.397.609	-	-	82.580.397.609
Chi phí phải trả	450.784.979	-	-	450.784.979
	357.014.575.246	-	-	357.014.575.246

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 55/NQ-DCTN-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2021, đã thông qua chủ trương hủy tư cách công ty đại chúng đối với Công ty theo quy định của luật chứng khoán. Theo đó, Công ty đã gửi công văn báo cáo về việc không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng đến Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và đang thực hiện các thủ tục hủy đăng ký Công ty đại chúng trong thời gian quy định.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 15/06/2020
Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch HĐQT Công ty đến ngày 15/06/2020
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT - ông Phạm Công Đoàn
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	Cùng thành viên HĐQT - ông Vũ Hải
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi	Cùng thành viên HĐQT - ông Bùi Trọng Dân đến ngày 04/11/2020
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Cùng thành viên HĐQT - ông Bùi Trọng Dân

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 03 tháng	252.000.000.000	328.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	252.000.000.000	328.000.000.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn	5.754.310.277	1.393.917.822
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.754.310.277	1.393.917.822
Doanh thu	10.753.310.999	-
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi	10.753.310.999	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	13.782.299.767	18.304.888.307
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13.782.299.767	18.304.888.307
Chứng khoán kinh doanh	201.761.400.000	70.008.900.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	56.813.900.000	70.008.900.000
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	144.947.500.000	-
Người mua trả tiền trước	275.849	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi	275.849	15.000.000.000

Tổng thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	635.031.000	668.362.000
Thu nhập của các thành viên khác trong HĐQT và Ban tổng Giám đốc	2.795.077.000	4.131.776.824

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2020 Công ty thay đổi phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Do đó, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu năm nay.



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc



Số: 83/TT-ĐCTN-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế
và chi trả cổ tức năm 2020, Kế hoạch năm 2021

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/05/2018; Phụ lục sửa đổi điều lệ lần thứ 2 ngày 23/07/2018 của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 19/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020, kế hoạch năm 2021 của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020

Căn cứ theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 phê duyệt, việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	(1)	110.708
2	Thuế TNDN hiện hành	(2)	27.206
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(3)=(1)-(2)	83.502
4	Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4)	2.923
5	Chi trả cổ tức năm 2020 là 12% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	(5) = Vốn điều lệ x 12%	17.160
6	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức	(6) = (3)- (4+5)	63.420

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Căn cứ vào chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2021, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Diễn giải	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	(1)	113.196
2	Thuế TNDN hiện hành	(2)	22.640
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(3)=(1)-(2)	90.556
4	Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4)	3.169
5	Chi trả cổ tức năm 2021 là 12% vốn điều lệ	(5) = Vốn điều lệ x 12%	19.219
6	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức	(6) = (3)- (4+5)	68.168

3. Đại hội cổ đông giao, ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Quyết định, thực hiện thủ tục chốt Danh sách cổ đông, trả cổ tức, phân bổ các quỹ và quyết định việc chi quỹ, quyết định các thủ tục có liên quan theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Trọng Dân



Số: 84/ TTr-ĐCTN-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

V/v: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/05/2018; Phụ lục sửa đổi điều lệ lần thứ 2 ngày 23/07/2018 của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020

1. Tên cổ phiếu phát hành : Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất
2. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)
4. Vốn điều lệ trước khi phát hành : 143.000.000.000 đồng
5. Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 14.300.000 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 1.716.000 cổ phiếu
8. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 17.160.000.000 đồng (Mười bảy tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) theo mệnh giá.
9. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
10. Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
11. Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu : 12% tương ứng với tỷ lệ thực hiện quyền 100:12, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận cổ tức là 12 cổ phiếu phát hành thêm.
12. Nguồn vốn thực hiện : Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2020 (Căn cứ số liệu tại BCTC đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty)
13. Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
14. Xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho các cổ đông sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.



Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 123 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số lượng cổ phiếu mới phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng là $123 \times 12\% = 14,76$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 14 cổ phiếu, số 0,76 cổ phiếu lẻ thập phân sẽ bị hủy bỏ.

15. Thời gian dự kiến phát hành : Dự kiến trong năm 2021, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
16. Các hạn chế liên quan : Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.
17. Đăng ký lưu ký và niêm yết/đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu mới phát hành : Thực hiện theo các quy định có liên quan

II. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN CHO HĐQT THỰC HIỆN

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định những vấn đề cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, cụ thể như sau:

- Lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức thích hợp sau khi có chấp thuận của UBCKNN, quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật;
- Thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phương án nêu trên đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty ;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi bổ sung Giấy phép hoạt động của Công ty sau khi kết thúc việc phát hành cổ phiếu; Sửa Điều lệ công ty theo vốn điều lệ mới;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;
- Ngoài những nội dung ủy quyền nêu trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Tờ trình Phương án phát hành của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất với các nội dung nêu trên.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bur Trọng Dân

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án chọn đơn vị kiểm toán độc lập
để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi điều lệ lần thứ 2 ngày 23/7/2018 của công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 19/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty cổ phần Điện cơ Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2021 của công ty như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty kiểm toán độc lập, được Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2021.
- Có kinh nghiệm và uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Đáp ứng các yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán.
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

2. Chọn đơn vị kiểm toán

Trên cơ sở các tiêu thức trên và căn cứ tình hình thực tế, **HĐQT** Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2021 của Công ty như sau:

“Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho **HĐQT** quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính trong năm 2021 của Công ty theo quy định của pháp luật và giao Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn”.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo thù lao đối với Hội đồng quản trị, lương của Trưởng Ban kiểm soát và thù lao Kiểm soát viên năm 2020; Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 2 ngày 23/7/2018;
- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc thông qua kế hoạch thù của HĐQT, BKS năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính và Kết quả kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán.

Theo Điều 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, kế hoạch chi thù lao đối với Hội đồng quản trị, lương của Trưởng Ban kiểm soát và thù lao Kiểm soát viên năm 2020 là **1.532,4** triệu đồng .

Hội đồng quản trị xin báo cáo chi phí đã sử dụng cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 là **1.518,7** triệu đồng.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngân sách năm 2021 để chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là: **1.532,4** triệu đồng.

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phân bổ mức thù lao năm 2021 cho từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành và thay thế Điều lệ của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 2 ngày 23/7/2018;

Do pháp luật có sự điều chỉnh, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã thay thế Luật Doanh nghiệp 2005; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành và thay thế Điều lệ của Công ty như sau:

1. Thông qua việc ban hành và thay thế Điều lệ theo nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ thời điểm được chấp thuận và thay thế cho Điều lệ công ty ban hành ngày 29/5/2018; và Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 2 ngày 23/7/2018.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ cho phù hợp với các quy định của Pháp luật và yêu cầu quản trị công ty trong năm 2021. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo những nội dung sửa đổi, bổ sung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

- Căn cứ vào Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ này được soạn thảo và thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 92/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại của công ty.;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
- i) Các chức danh quản lý khác bao gồm: Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm, Quản đốc các Phân xưởng, Giám đốc Chi nhánh, và Người quản lý doanh nghiệp tại Công ty thành viên trực thuộc Vinawind và các chức danh tương đương trong bộ máy doanh nghiệp.
- j) *Người có liên quan* là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.;



- j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
- m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Một số từ ngữ khác có liên quan đến công ty cổ phần được giải thích theo Điều 4 Luật doanh nghiệp. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.
3. Các tiêu đề Chương, Điều của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN GỌI, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CÔNG TY, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **THONG NHAT ELECTROMECHANICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **CÔNG TY ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: số 164 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (024).36622400 - (024).36621997 Fax: (024).36622473
- Email: diencothongnhat@hn.vnn.vn
- Website: diencothongnhat.com.vn /vinawind.com.vn

4. Chi nhánh Công ty

- Tên chi nhánh: **CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT - CHI NHÁNH HÀ NAM**

Địa chỉ: Lô B6+B7, Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Trừ khi giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

ĐIỀU 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
3	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ phận khác với dây và kết nối cách điện. - Sản xuất tụ điện, điện trở và các thiết bị tương tự, máy gia tốc	2790
4	Sản xuất động cơ, tua bin (Trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
5	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	2220
6	Đúc kim loại màu	2432
7	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại	2591
9	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
10	Sản xuất đồng hồ	2652
11	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
12	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo.	2813

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Sản xuất vòi và van công nghiệp bao gồm van điều chỉnh và vòi thông. - Sản xuất vòi và van vệ sinh	
13	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750 (chính)
14	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
15	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16	Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
19	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
24	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).	5610
25	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	6810
26	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất xe kéo bằng động vật; xe lừa kéo; xe tang; xe cút kít; xe kéo tay; xe đẩy trong siêu thị; và tương tự	3099
27	Sản xuất giường tủ, bàn, ghế.	3100
28	Sửa chữa các loại sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
29	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
30	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31	Sửa chữa thiết bị điện	3314
32	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
34	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hợp đồng bảo dưỡng và sửa chữa ô tô:	4520

P/C
 Y/C
 Q/V
 I/AT
 T/P/P

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<ul style="list-style-type: none"> + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động. + Bảo dưỡng thông thường. + Sửa chữa thân xe. + Sửa chữa các bộ phận của ô tô - Hợp đồng bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác. + Bảo dưỡng thông thường. + Sửa chữa thân xe. + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ khác không thuộc công đoạn sản xuất. 	
36	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
37	Bán mô tô, xe máy	4541
38	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
39	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất đồng hồ bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
40	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
41	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
42	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
43	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
44	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
45	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
46	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
47	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
48	Sản xuất xe đạp và xe máy cho người tàn tật.	3092
49	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
50	<p>Sản xuất máy thông dụng khác</p> <p>Chi tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp bao gồm dây truyền và linh kiện chủ yếu. - Sản xuất máy điều hòa nhiệt độ, dùng cho cả mô tơ. - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình. - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái) 	2819
51	<p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.</p>	4759
52	<p>Đào tạo sơ cấp</p> <p>Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp sơ cấp</p>	8531

STT	Tên ngành	Mã ngành
53	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp trung cấp	8532
54	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
55	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp cao đẳng	8533
56	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất được thành lập nhằm mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố và cả nước.

ĐIỀU 5. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

ĐIỀU 6. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ của Công ty là 143.000.000.000 đồng Việt Nam (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba tỷ đồng*).
 - Tổng số cổ phần của Công ty: 14.300.000 cổ phần.
 - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần (*Bằng chữ: Mười nghìn đồng/cổ phần*).
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Khi có cổ phần ưu đãi thì Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định cụ thể các nội dung ưu đãi và quyền của cổ đông ưu đãi theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 Luật doanh nghiệp.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty lập sổ đăng ký cổ đông, gồm các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- d) Các thông tin về cổ đông như Điểm d Khoản 2 Điều 8 Điều lệ này.
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời để Công ty cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông và chịu trách nhiệm bảo đảm liên lạc được với cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 8. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định như sau:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- e) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 9. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty.

ĐIỀU 10. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần

từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Theo yêu cầu hoạt động, Công ty có quyền tăng thêm số lượng cổ phần. Loại cổ phần được quyền chào bán và bán cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

4. Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Việc chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

6. Bán cổ phần:

Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
- c) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 11. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát.
4. Ban điều hành.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 12. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông. Tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

ĐIỀU 13. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 14. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định Khoản 3, Điều 139 Luật Doanh nghiệp, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c Khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 4 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 16. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ

đồng dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 18. TRIỆU TẬP HỌP, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

m) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 19. CÁC ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

ĐIỀU 20. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 21. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán thông qua;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp .

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình

cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

ĐIỀU 22. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 23. NGHỊ QUYẾT, BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

ĐIỀU 24. YÊU CẦU HỦY BỎ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 25. ỨNG CỬ, BÈ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu đủ từ 10% trở lên đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu đủ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu đủ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu đủ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu đủ từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng

trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 27. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn. Quyết định kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư, hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước và dự án đầu tư (bao gồm cả việc mua, bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác

được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài) trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định đề án phát triển thị trường mới gồm cả thị trường nội địa và xuất khẩu; quyết định kế hoạch phát triển và phê duyệt sản phẩm mới; thông qua đề xuất về chính sách giá, chính sách bán hàng; thông qua đề xuất về nhượng quyền cấp phép cho đối tác sử dụng nhãn hàng, nhãn hiệu, logo, thương hiệu của Công ty.

h) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, cầm cố thế chấp, hợp đồng tiền gửi có thời hạn trên 3 tháng; thông qua hợp đồng mua bán tài sản có giá trị trên 1 tỷ đồng; thông qua hợp đồng mua, bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 5% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành doanh nghiệp; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm với những người giữ chức danh quản lý khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, người điều hành và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức và thông qua chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng, phân xưởng, trung tâm trực thuộc Công ty; quyết định các quy chế quản trị, quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; thông qua đề xuất về Ủy quyền thường xuyên, ủy quyền theo vụ việc, ủy quyền ký lại, ký thay Tổng Giám đốc hoặc Người đại diện theo Pháp luật.

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

s) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hoặc vượt quá 10% giá trị các khoản đầu tư trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm đã phê duyệt;

t) Các vấn đề trong hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

ĐIỀU 28. THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 30. CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người thành viên Ban điều hành;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/5 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 31. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

ĐIỀU 32. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 33. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 34. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 35. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp này;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban Kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo thẩm quyền phê duyệt, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Đề xuất chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn; Đề xuất kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm.
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện theo kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- f) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- g) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- h) Vào tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty; j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

k) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

l) Tuyển dụng lao động;

m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

7. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 36. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 37. THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 38. TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành và những người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 7. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

8. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

ĐIỀU 40. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

ĐIỀU 41. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

* M.S.D.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

ĐIỀU 42. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Điều hành và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban Điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban Điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban Điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũ như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

ĐIỀU 43. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 44. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 45. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 46. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông

này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 47. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 48. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

ĐIỀU 49. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 50. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, BÁN NIÊN VÀ QUÝ

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán

theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 51. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 52. KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập hoặc phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính; và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

ĐIỀU 53. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng, lưu giữ và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

ĐIỀU 54. GIẢI THỂ CÔNG TY

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 55. THANH LÝ

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a) đến điểm d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 56. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;

- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 57. ĐIỀU LỆ CÔNG TY

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 58. NGÀY HIỆU LỰC

- Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất nhất trí thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Mã Đình Đông

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 2 ngày 23/7/2018;

Do pháp luật có sự điều chỉnh, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 đã thay thế Luật Doanh nghiệp 2005; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với sự thay đổi của các quy định pháp luật đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế quản trị nội bộ của Công ty như sau:

1. Thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Quy chế mới có hiệu lực kể từ thời điểm được chấp thuận và thay thế cho Quy chế ban hành ngày 29/5/2018.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 93/QĐ-ĐCTN-HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị
của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của công ty CP Điện cơ Thống nhất về việc thông qua ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành và thay thế kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Người phụ trách quản trị công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

(Kèm theo quyết định số 93/QĐ-ĐCTN-HĐQT ngày 30/6/2021 của Chủ tịch HĐQT
công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, theo đó, Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

JTC
JN
CỔ
ĐI
TH
DAN

- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 1.3. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý. Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

2.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán và Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng

quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này..

2.3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 2.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 2.2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2.3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 2.2 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

2.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
- m. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

2.5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

2.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2.6 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2.6 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng

cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2.6 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.7 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho các nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2.9 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2.10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết

trước đó không thay đổi.

2.11. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản triển triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2.12. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

2.13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đều có hiệu lực thi hành.

2.14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2.15. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2.16. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán thông qua;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.17. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

2.18. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2.19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

3.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng

cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

3.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu

quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

3.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

3.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn. Quyết định kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hằng năm của Công ty;;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư, hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài

nước và dự án đầu tư (bao gồm cả việc mua, bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài) trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định đề án phát triển thị trường mới gồm cả thị trường nội địa và xuất khẩu; quyết định kế hoạch phát triển và phê duyệt sản phẩm mới; thông qua đề xuất về chính sách giá, chính sách bán hàng; thông qua đề xuất về nhượng quyền cấp phép cho đối tác sử dụng nhãn hàng, nhãn hiệu, logo, thương hiệu của Công ty;

h. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, cầm cố thế chấp, hợp đồng tiền gửi có thời hạn trên 3 tháng; thông qua hợp đồng mua bán tài sản có giá trị trên 1 tỷ đồng; thông qua hợp đồng mua, bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 5% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành doanh nghiệp; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm với những người giữ chức danh quản lý khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, người điều hành và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức và thông qua chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng, phân xưởng, trung tâm trực thuộc Công ty; quyết định các quy chế quản trị, quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 của Điều lệ Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; thông qua đề xuất về Ủy quyền thường xuyên, ủy quyền theo vụ việc, ủy quyền ký lại, ký thay Tổng Giám đốc hoặc Người đại diện theo Pháp luật;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

q. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hoặc vượt quá 10% giá trị các khoản đầu tư trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm đã phê duyệt;

r. Các vấn đề trong hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty

1.3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và mục 2.6 khoản 2 điều này.

2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

2.5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2.5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2.5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

2.5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

2.6.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2.6.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được

công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.6.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2.6.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

2.7. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

2.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị

2.8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.8.2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2.8.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người thành viên Ban điều hành;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

2.8.4. Đề nghị quy định tại khoản 2.8.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2.8.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội

đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2.8.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

2.8.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

2.8.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/5 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2.8.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 2.8.11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2.8.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2.8.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

2.8.12. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được

lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2.8.13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ: theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1.1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

1.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

1.3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành và những người quản lý khác;

1.4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

1.5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

1.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

1.7. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

1.8. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

1.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

2.1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ

chồng, cha vợ, mẹ vợ, con dẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: thực hiện tương tự theo quy định cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm 2.4, khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

5.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 4 quy chế này.

5.2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của công ty.

5.3. Đề sớt, không phát hiện được các sai phạm, có hành vi thông đồng bao che cho các hành vi vi phạm nghĩa vụ quản lý công ty của Hội đồng quản trị, các cán bộ trong bộ máy điều hành dẫn đến gây thiệt hại cho công ty, cho lợi ích của cổ đông.

5.4. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

5.5. Vắng mặt không tham dự họp Ban kiểm soát liên tục trong ba (03) kỳ họp mà không được sự chấp thuận của Trưởng Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

5.6. Theo quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm của Đại hội đồng cổ đông.

6. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên: thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo thẩm quyền phê duyệt, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Đề xuất chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn; Đề xuất kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm.;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Tổ chức thực hiện theo kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - f. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - h. Vào tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- l. Tuyển dụng lao động;
 - m. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
- 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**
- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.
 - b. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
 - c. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - d. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
 - e. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật về doanh nghiệp, để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp, chặt chẽ, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

1. Thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty theo nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Quy chế mới có hiệu lực kể từ thời điểm được chấp thuận và thay thế cho Quy chế ban hành ngày 29/8/2018.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành và thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của công ty CP Điện cơ Thống nhất về việc thông qua ban hành và thay thế Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành và thay thế kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát viên, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Kèm theo QĐ số 94/QĐ-ĐCTN-HĐQT ngày 30/6/2021 của Chủ tịch HĐQT
công ty CP Điện Cơ Thống Nhất)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất*

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn. Quyết định kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch ngân sách hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư, hợp tác kinh doanh với các đối tác trong và ngoài nước và dự án đầu tư (bao gồm cả việc mua, bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài) trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quyết định đề án phát triển thị trường mới gồm cả thị trường nội địa và xuất khẩu; quyết định kế hoạch phát triển và phê duyệt sản phẩm mới; thông qua đề xuất về chính sách giá, chính sách bán hàng; thông qua đề xuất về nhượng quyền cấp phép cho đối tác sử dụng nhãn hàng, nhãn hiệu, logo, thương hiệu của Công ty;
 - h. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, cầm cố thế chấp, hợp đồng tiền gửi có thời hạn trên 3 tháng; thông qua hợp đồng mua bán tài sản có giá trị trên 1 tỷ đồng; thông qua hợp đồng mua, bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 5% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành doanh nghiệp; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm với những người giữ chức danh quản lý khác; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù

lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, người điều hành và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức và thông qua chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng, phân xưởng, trung tâm trực thuộc Công ty; quyết định các quy chế quản trị, quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các văn bản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 của Điều lệ Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; thông qua đề xuất về Ủy quyền thường xuyên, ủy quyền theo vụ việc, ủy quyền ký lại, ký thay Tổng Giám đốc hoặc Người đại diện theo Pháp luật;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của công ty;

q. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hoặc vượt quá 10% giá trị các khoản đầu tư trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch ngân sách hàng năm đã phê duyệt;

r. Các vấn đề trong hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hoặc giao dịch khác mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 03 người thành viên Ban điều hành;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/5 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân



Số: 01.../TT-ĐCTN-BKS

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật về doanh nghiệp, để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp, chặt chẽ, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Thông qua việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát công ty theo nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Quy chế mới có hiệu lực kể từ thời điểm được chấp thuận và thay thế cho Quy chế ban hành ngày 16/10/2015.

2. Ủy quyền cho Ban Kiểm soát công ty chủ động quyết định việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN****Phạm Thị Minh Huyền**

Số: 01 /QĐ-ĐCTN-BKS

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất

**BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất ban hành 16/10/2015.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Kiểm soát viên và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Minh Huyền

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất sửa đổi ban hành tháng năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất.
2. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
3. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
4. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty.
5. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty.
6. “Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)” là thành viên Ban kiểm soát Công ty.
7. “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc Công ty.
8. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021.
9. Một số từ ngữ có liên quan đến Công ty cổ phần được giải thích theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp. Các từ ngữ khác trong Quy chế này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc, lĩnh vực được phân công của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác; không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Công ty.
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
 - b) Chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát.
 - c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông
 - e) Chỉ đạo, triển khai và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết

hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty .

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty .

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty .

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định, không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm, cần được làm rõ.

3. Các nội dung khác liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty .

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty ; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Nhà nước, theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo chế độ trách nhiệm tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành. Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Các nội dung khác về quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

Thực hiện theo Quy chế nội bộ và quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (trong đó có quy định về các mối quan hệ này).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất bao gồm 7 Chương, 24 điều và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp những quy định tại Quy chế này trái với những quy định mới của pháp luật thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Quy chế này có thể sửa đổi bổ sung và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



PHẠM THỊ MINH HUYỀN

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong thời gian giữa hai kỳ ĐHĐCĐ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 01/07/2020;

- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi Điều lệ công ty lần thứ 2 ngày 23/7/2018;

Để đảm bảo sự linh hoạt trong công tác quản trị, điều hành và kịp thời quyết định các cơ hội kinh doanh, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu và ngân sách hoạt động kinh doanh của công ty cho phù hợp thực tiễn hoạt động, phù hợp quy định của pháp luật.
2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty.
3. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung các nội dung được ghi nhận trong Giấy phép Đăng ký kinh doanh của công ty như: Tên công ty, Trụ sở chính; Lĩnh vực, nội dung, phạm vi, địa bàn hoạt động; Các nội dung khác được ghi nhận trong giấy phép và tiến hành thực hiện các thủ tục đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty tương ứng với những thay đổi trong Giấy phép hoạt động và phù hợp với những thay đổi của pháp luật.
4. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của công ty.
5. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.
6. Quyết định đầu tư có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông giữa hai phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Pháp luật và công ty.

HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các nội dung nêu trên (nếu phát sinh) trước Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Dân